

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Hoạt động xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPVP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban

hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3594/QĐ- BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Hoạt động xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).


Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này thực hiện theo các Quyết định công bố thủ tục hành chính số: 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 6 năm 2018; số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 11 năm 2018; số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019; số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01 tháng 6 năm 2020; số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 và Quyết định số 3594/QĐ- BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Hoạt động xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao bằng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định trước Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ

hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, LĐ TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(A) 

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Lê Hải Hòa

Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI,
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CAO BẰNG**
(Kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (25 TTHC)							
I. LĨNH VỰC THỦY LỢI (19 TTHC)								
1	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	2.001804.000.00.00.H14	- Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ + Tại đơn vị: 18 ngày + Tại UBND tỉnh: 06 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng (Tòa nhà Bưu điện, đường Hoàng Đình Giông, thành phố Cao Bằng)	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc.
2	Cấp giấy phép	1.004427.000.	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc,	Trung	Nộp hồ sơ,	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số

	cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	00.00.H14	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Tại đơn vị: 14 ngày + Tại UBND tỉnh: 06 ngày	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	quy định	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.
3	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001796.000.00.00.H14	- Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ + Tại đơn vị: 09 ngày làm việc + Tại UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Điều 13, 16, 17, 21, 25 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.

					tuyển mức độ 4.			
4	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795.000.00.00.H14	- Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ + Tại đơn vị: 09 ngày làm việc + Tại UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Điều 13, 16, 17, 21, 27 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.
5	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001793.000.00.00.H14	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 3,5 ngày làm việc. + Tại UBND tỉnh: 1,5 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Điều 13, 16, 17, 21, 26 Nghị định 67/2018/NĐ -CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.

					độ 4.			
6	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004385.000.00.00.H14	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 3,5 ngày làm việc. + Tại UBND tỉnh: 1,5 ngày làm việc. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Điều 13, 16, 17, 21, 24 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.
7	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791.000.00.00.H14	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 05 ngày + Tại UBND tỉnh: 03 ngày 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc.

					tuyển mức độ 4.			
8	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003921.000.00.00.H14	- Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 01 ngày + Tại UBND tỉnh: 01 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày xuống 02 ngày làm việc.
9	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ	1.003893.000.00.00.H14	- Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 01 ngày + Tại UBND tỉnh: 01 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; - Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày xuống 02 ngày làm việc.

	chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				tuyển mức độ 4.			
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003880.000.00.00.H14	- Trong thời gian 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 07 ngày làm việc. + Tại UBND tỉnh: 02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Điều 13, 28; khoản 1, 2 điểm c, khoản 3, Điều 29 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 09 ngày làm việc.
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870.000.00.00.H14	- Trong thời gian 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: + Tại đơn vị: 07 ngày làm việc; + Tại UBND tỉnh: 02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; - Điều 28; Khoản 1,2, điểm c, khoản 3, Điều 29 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 09 ngày làm việc.

					tuyển mức độ 4.			
12	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1.003867.000.00.00.H14	- Trong thời gian 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong đó: + Tại đơn vị: 16 ngày + Tại UBND tỉnh: 08 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc.
13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác	2.001426.000.00.00.H14	- Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Tại đơn vị: 07 ngày + Tại UBND tỉnh: 05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.

	khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				tuyển mức độ 4.			
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001401.000.00.00.H14	- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Tại đơn vị: 3,5 ngày làm việc; + Tại UBND tỉnh: 1,5 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Điều 13, 28; khoản 1,2 điểm b - khoản 3, Điều 29 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.
15	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm	1.003232.000.00.00.H14	- Trong thời gian 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Tại đơn vị: 16 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và

	quyền của UBND tỉnh		+ Tại UBND tỉnh: 08 ngày		chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.			PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc.
16	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221.000.00.00.H14	- Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Tại đơn vị: 07 ngày. + Tại UBND tỉnh: 05 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.
17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm	1.003211.000.00.00.H14	- Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định + Tại đơn vị: 11 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.

	quyền của UBND tỉnh		+ Tại UBND tỉnh: 05 ngày		chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.			- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203.000.00.00.H14	- Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Tại đơn vị: 11 ngày + Tại UBND tỉnh: 05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
19	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003188.000.00.00.H14	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.

					chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.			
II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG; QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG (03TTHC)								
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình và cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý	1.009794.000.00.00.H14	- Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình XD	Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc.

	công trình xây dựng chuyên ngành)							
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	1.009972.000.00.00.H14	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Theo quy định của Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	
3	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh	1.009973.000.00.00.H14	- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: + Không quá 30 ngày đối với công	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Theo quy định của	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của	Đã cắt giảm thời hạn giải quyết: - Từ 40 ngày xuống 30 ngày làm việc đối với

thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở		trình cấp I, cấp đặc biệt. + Không quá 26 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. + Không quá 16 ngày đối với công trình còn lại.	công trình Cao Bằng	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính	Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.	công trình cấp I, cấp đặc biệt. - Từ 30 ngày xuống 26 ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III. - Từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc đối với công trình còn lại.
---	--	--	---------------------	--	--	---	---

III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (03 TTHC)

1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.008408.000.00.00.H14	Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công trình Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch	Không quy định	Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
---	--	------------------------	---	--	---	----------------	--	---

					vụ công trực tuyển mức độ 4.			
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	1.008409.000. 00.00.H14	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyển mức độ 4.	Không quy định	Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1957/QĐ-BNN- PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	1.008410.000. 00.00.H14	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyển mức	Không quy định	Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1957/QĐ-BNN- PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

					độ 4.			
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (05 TTHC)							
	LĨNH VỰC THỦY LỢI (05 TTHC)							
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	2.001627.000.00.00.H14	Trong thời gian 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi 08/2017/QH14. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc.
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H14	Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm

					vụ công trực tuyển mức độ 4.			việc.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H14	Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H14	Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	phần tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.

5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H14	Trong thời gian 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc.
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (8 TTHC)							
I	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (05 TTHC)							
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H14	Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch	2.002162.000.00.00.H14	Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 3499/QĐ-BNN-

	bệnh			UBND cấp xã.	chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.			PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002161.000.00.00.H14	Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.	Thủ tục được công bố tại Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT
4	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092	Trong thời gian 24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Tại UBND cấp xã 15 ngày. - Tại UBND cấp huyện 04 ngày. - Tại UBND tỉnh 05 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều ngày 17/6/2020. - Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày
5	Hỗ trợ khám chữa	1.010091	Trong thời gian 20 ngày, kể từ	Bộ phận	- Trực tiếp;	Không	- Luật Phòng	- Thủ tục được công

	bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội		ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Tại UBND cấp xã 15 ngày. - Tại UBND cấp huyện 05 ngày.	tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	quy định	chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều ngày 17/6/2020. - Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.	bổ tại Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống còn 20 ngày
II LĨNH VỰC THỦY LỢI (03 TTHC)								
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H14	Trong thời gian 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.	- Thủ tục được công bố tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc.

2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H14	Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H14	Trong thời gian 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc.

Tổng số danh mục TTHC công bố 38 TTHC.

Dịch vụ công mức độ 4: 38 TTHC.

Tổng số TTHC cắt giảm thời gian giải quyết: 27 TTHC.

Phụ lục 2**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH CAO BẰNG***(Kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH****I. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI****Quy trình số: 01****NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC**

1. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.004809).

2. Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.004810).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPV HCC	Không quy định
Bước 2	Tham mưu hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh và báo cáo Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Hành chính-QLTT, Chi cục Thủy lợi	
Bước 3	Xem xét, phê duyệt, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	
Bước 4	Xem xét hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	
Bước 5	Các bộ ngành, các cơ quan liên quan góp ý	Các bộ ngành, cơ quan liên quan	05 ngày làm việc
Bước 6	Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Sở,	Lãnh đạo phòng Hành chính-QLTT, Chi cục	

	trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt	Thủ lợi	Không quy định
Bước 7	Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh văn kiện viện trợ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	
Bước 9	Chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 10	Thông báo, trả kết quả phê duyệt TTHC	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPV HCC	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			Không quy định

Quy trình số: 02

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.004808)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở NN và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở xem xét	Lãnh đạo phòng Hành chính-QLTT, Chi cục Thủ lợi	0,5 ngày làm việc

Bước 3	Xem xét, phê duyệt, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 4	Tham mưu UBND tỉnh chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 5	Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		06 giờ làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN và PTNT tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			03 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC THỦY LỢI

Quy trình số: 03

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003893).

2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003921).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
------------------	--------------------	-----------------------	-------------------------------------

Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPV HCC	01 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công Chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	01 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Công chức Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	03 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định, dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở NN&PTNT	02 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	01 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thuộc VP UBND tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ; chuyển hồ sơ, kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư thuộc Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ làm việc
Bước 8	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở NN&PTNT tại TTPV HCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			02 ngày làm việc

Quy trình số: 04**NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:**

- 1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (1.004385).**
- 2. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001401).**
- 3. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001793).**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, thẩm tra, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý CCTL và NSNT, Chi cục TL	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Công chức Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	16 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, phê duyệt báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thuộc UBND tỉnh	12 giờ làm việc

Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận hành chính; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

Quy trình số: 05

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001791)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	26 giờ làm việc
Bước 4	Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	

Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả đến TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	24 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			08 ngày làm việc

Quy trình số: 06

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003870).

2. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003880).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc

Bước 3	Thủ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	40 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở NN và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	16 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			09 ngày làm việc

Quy trình số: 07

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001795).
2. Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001796).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	02 giờ làm việc

	sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	56 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, phê duyệt báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ HCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thuộc Văn phòng UBND tỉnh	24 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TT PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

Quy trình số: 08

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003221).

2. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001426).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, thẩm tra, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	40 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả TTHC đến TT PVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	40 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại TT PVHCC	02 giờ làm việc

Tổng thời gian giải quyết TTHC	12 ngày làm việc
---------------------------------------	-------------------------

Quy trình số: 09

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

- 1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003203).**
- 2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003211).**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Hành chính, Quản lý thiên tai, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên phòng Hành chính, Quản lý thiên tai	72 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực	40 giờ làm việc

	duyet kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả TTHC cho TTPVHCC	thuộc UBND tỉnh	
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả TTHC đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông PTNT tại TT PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

Quy trình số: 10

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC

Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.004427).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	96 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ làm việc

Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả TTHC đến TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	48 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TT PVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			20 ngày làm việc

Quy trình số: 11

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý (2.001804).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	128 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc

	trình phê duyệt cho UBND tỉnh		
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả TTHC cho Trung tâm PVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	06 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TT PVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 ngày làm việc

Quy trình số: 12

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003232).

2. Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý (1.003867).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	02 giờ làm việc

Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	112 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả TTHC đến TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	64 giờ làm việc
Bước 7	Xác nhận Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại TT PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 ngày làm việc

Quy trình số: 13

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003188)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	Không quy định thời gian giải quyết

Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo đơn vị xem xét)	Chuyên viên Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT	
Bước 4	Xem xét báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả thẩm định, tờ trình phê duyệt cho UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	
Bước 6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển hồ sơ, kết quả đến TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực UBND tỉnh	
Bước 7	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có tại TTPVHCC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp PTNT tại TTPVHCC	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG; QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

Quy trình số: 14

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác

nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý, nội dung và lưu hồ sơ. - Viết phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ làm việc
Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	02 giờ làm việc
Bước 3	- Xử lý thẩm định hồ sơ. - Trình lãnh đạo phòng xem xét, duyệt.	Công chức phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	66 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	04 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả và chuyển đến bộ phận văn thư	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ làm việc
Bước 6	- Đóng dấu (hoặc chữ ký số) - Chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			80 giờ làm việc (10 ngày làm việc)

Quy trình số: 15

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện		
			Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Bước 1	- Tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý, nội dung và lưu hồ sơ. - Viết phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ	02 giờ	02 giờ
Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	04 giờ	04 giờ	04 giờ
Bước 3	- Xử lý thẩm định hồ sơ. - Tổ chức họp hoặc gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan - Trình lãnh đạo phòng xem xét, duyệt.	Công chức phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	264 giờ	184 giờ	104 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	04 giờ	04 giờ	04 giờ
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả và chuyển đến bộ phận văn thư	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	04 giờ	04 giờ
Bước 6	- Đóng dấu (hoặc chữ ký số) - Chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ	02 giờ	02 giờ
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại	Không tính thời gian	Không tính thời	Không tính thời

	TTPVHCC		gian	gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC		280 giờ (35 ngày làm việc)	200 giờ (25 ngày làm việc)	120 giờ (15 ngày làm việc)

Quy trình số: 16

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)		
			Công trình cấp I, cấp đặc biệt	Công trình cấp II và cấp III	Công trình còn lại
Bước 1	- Tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý, nội dung và lưu hồ sơ. - Viết phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	02 giờ	02 giờ	02 giờ
Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	04 giờ	04 giờ	04 giờ
Bước 3	- Xử lý thẩm định hồ sơ. - Trình lãnh đạo phòng xem xét, duyệt.	Công chức phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	224 giờ	192 giờ	112 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý công trình thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	04 giờ	04 giờ	04 giờ
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả và chuyển đến	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	04 giờ	04 giờ

	bộ phận văn thư				
Bước 6	- Đóng dấu (hoặc chữ ký số) - Chuyển hồ sơ đến TTPVHCC	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	02 giờ	02 giờ	02 giờ
Bước 7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			240 giờ (30 ngày làm việc)	208 giờ (26 ngày làm việc)	128 giờ (16 ngày làm việc)

B. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC THỦY LỢI

Quy trình số: 01

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện (1.003471).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn QLNN về thủy lợi cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ,	Chuyên viên phòng chuyên môn	58 giờ làm việc

	dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo Phòng xem xét)	huyện	
Bước 4	Xem xét, thẩm định; hoàn thiện hồ sơ gửi Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	16 giờ làm việc
Bước 5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả TTHC đến bộ phận một cửa của huyện.	Lãnh đạo Văn phòng HĐND & UBND huyện	16 giờ làm việc
Bước 6	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận hành chính UBND huyện	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			12 ngày làm việc

Quy trình số: 02

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.003456)

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.003459)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công cho chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo Phòng xem xét)	Chuyên viên phòng chuyên môn của UBND huyện	74 giờ làm việc

Bước 4	Xem xét, thẩm định; hoàn thiện hồ sơ gửi lãnh đạo VP HĐND & UBND huyện	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND huyện	24 giờ làm việc
Bước 5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả TTHC đến bộ phận một cửa của huyện.	Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện	24 giờ làm việc
Bước 6	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (tra kết quả)	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận hành chính UBND huyện	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

Quy trình số: 03

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp (2.001627).

2. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện (1.003347).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định trình lãnh đạo Phòng xem xét)	Chuyên viên Phòng chuyên môn	122 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ gửi Lãnh đạo Văn	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND	32 giờ làm việc

	phòng HĐND và UBND huyện.	huyện	
Bước 5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt kết quả TTHC; chuyển kết quả TTHC đến bộ phận một cửa của huyện.	Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện	32 giờ làm việc
Bước 6	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận hành chính UBND huyện	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24 ngày làm việc

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Quy trình số: 01

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC

Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công cho công chức chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 giờ làm việc

Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND xã xem xét)	Công chức chuyên môn tại xã	42 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND cấp xã	08 giờ làm việc
Bước 5	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			07 ngày làm việc

Quy trình số: 02

NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

- 1. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002126).**
- 2. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (2.002161).**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ,	Công chức chuyên môn tại xã	82 giờ làm việc

	trình lãnh đạo UBND xã xem xét)		
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND cấp xã	32 giờ làm việc
Bước 5	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Quy trình số: 03

QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC

Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (1.010092)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công cán bộ chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lập hồ sơ trình lãnh đạo UBND xã xem xét)	Cán bộ chuyên môn cấp xã	44 giờ làm việc

Bước 4	Xem xét, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện	Lãnh đạo UBND xã	16 giờ làm việc
Bước 5	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét, phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND huyện	02 giờ làm việc
Bước 7	Thụ lý giải quyết hồ sơ; Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ, trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định.	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện	28 giờ làm việc
Bước 8	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển Chi cục Thủy lợi xử lý hồ sơ.	Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV hành chính công	02 giờ làm việc
Bước 9	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT	02 giờ làm việc
Bước 10	Xem xét, thẩm định hồ sơ; trình Lãnh đạo Phòng duyệt, Lãnh đạo Chi cục phê duyệt; gửi hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Chuyên viên Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT	08 giờ làm việc
Bước 11	Thẩm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt; chuyển kết quả đến Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực VP UBND tỉnh	24 giờ làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả phê duyệt quyết định, đến bộ phận một cửa cấp xã	Công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV hành chính công	04 giờ làm việc
Bước 13	Thực hiện các thủ tục chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng.	UBND cấp xã	56 giờ làm việc

Tổng thời gian giải quyết TTHC	24 ngày làm việc
---------------------------------------	-------------------------

Quy trình số: 04

QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC

Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công cán bộ chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lập hồ sơ trình lãnh đạo UBND xã xem xét)	Cán bộ chuyên môn cấp xã	44 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, giải quyết. Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt TTHC	Lãnh đạo UBND xã	16 giờ làm việc
Bước 5	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 6	Xem xét, phân công công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 7	Thụ lý giải quyết hồ sơ. Trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.	Công chức phòng chuyên môn cấp huyện	32 giờ làm việc
Bước 8	Chuyển kết quả hồ sơ đến bộ phận một cửa cấp xã	Văn thư Văn phòng HĐND và UBND huyện	04 giờ làm việc
Bước 9	Thực hiện các thủ tục và chi trả kinh phí khám bệnh,	UBND cấp xã	56 giờ làm việc

	chữa bệnh cho đối tượng được hưởng.		
Tổng thời gian giải quyết TTHC			20 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC THỦY LỢI

Quy trình số: 05

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (*Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện*) (2.001621)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công cán bộ chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND xã xem xét)	Cán bộ chuyên môn xã	34 giờ làm việc
Bước 4	Xem xét, giải quyết phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND xã	08 giờ làm việc
Bước 5	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã	02 giờ làm việc

	kết quả)		
Tổng thời gian giải quyết TTHC			06 ngày làm việc

Quy trình số: 06
NHÓM QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

- 1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440)**
- 2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày thực hiện)
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Công chức tiếp nhận và trả hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	02 giờ làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ (kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo UBND xã xem xét, phê duyệt)	Công chức chuyên môn tại xã	82 giờ làm việc
Bước 4	UBND xã xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND xã	40 giờ làm việc
Bước 5	Xác nhận trên Hệ thống thông tin một cửa về kết quả đã có; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả (trả kết quả)	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa xã	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc